

Đề 001

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm).

Câu 1. Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng nào sau đây trong giai đoạn 1945-1973?

- A. Cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại. B. Cách mạng công nghiệp.
C. Cách mạng trắng. D. Cách mạng chất xám.

Câu 2. Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính của thế giới vào thời gian nào?

- A. Đầu thập kỉ 50. B. Đầu thập kỉ 60
C. Đầu thập kỉ 70. D. Cuối thập kỉ 70.

Câu 3. Ở Nhật Bản, nhân tố được xem là quyết định hàng đầu thúc đẩy kinh tế phát triển là

- A. áp dụng khoa học kĩ thuật . B. vai trò lãnh đạo hiệu quả của nhà nước.
C. chí phí quốc phòng thấp. D. yếu tố con người.

Câu 4. Tham dự Hội nghị Ianta (2-1945) có nguyên thủ của những quốc gia nào dưới đây?

- A. Anh, Pháp, Mĩ. B. Anh, Pháp, Đức.
C. Liên Xô, Mĩ, Anh. D. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc.

Câu 5. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ là

- A. diễn ra ở một số lĩnh vực quan trọng.
B. diễn ra trên tất cả các lĩnh vực.
C. diễn ra với tốc độ và quy mô lớn chưa từng thấy.
D. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 6. Trong các quyết định của Hội nghị Ianta, quyết định đưa đến sự phân chia hai cực trong quan hệ quốc tế là

- A. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.
B. Liên Xô tham gia chống Nhật ở Châu Á.
C. thành lập Liên hợp quốc để giữ gìn hoà bình và an ninh thế giới.
D. thoả thuận việc đóng quân, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

Câu 7. Từ năm 1996, bức tranh chung về nước Nga là

- A. kinh tế được phục hồi, phát triển, xã hội ổn định, vị thế quốc tế được nâng cao.
B. chính trị - xã hội đã ổn định nhưng kinh tế còn tăng trưởng âm.
C. chính trị - xã hội không ổn định nên đã ảnh hưởng xấu đến vị thế quốc tế.

D. trở thành cường quốc công nghiệp đứng đầu châu Âu và đứng thứ 2 thế giới.

Câu 8. Cuộc cách mạng đã đưa Ấn Độ trở thành một trong những nước sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới là

- A. "Cách mạng xanh".
- B. "Cách mạng trắng"
- C. "Cách mạng chất xám".
- D. "Cách mạng khoa học- kỹ thuật"

Câu 9. Năm nước tham gia sáng lập tổ chức ASEAN năm 1967 là

- A. Indônêxia, Thái Lan, Philippin, Malaixia, Xingapo.
- B. Thái Lan, Philippin, Malaixia, Mianma, Xingapo.
- C. Indônêxia, Thái Lan, Philippin, Malaixia, Brunây.
- D. Thái Lan, Philippin, Malaixia, Mianma, Indônêxia

Câu 10. Cơ quan giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới là

- A. Ban thư kí.
- B. Hội đồng Kinh tế và Xã hội.
- C. Hội đồng bảo an.
- D. Đại hội đồng .

Câu 11. Năm 1949, Liên Xô đạt thành tựu nổi bật nào dưới đây?

- A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- B. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- C. Thực hiện được nhiều kế hoạch dài hạn.
- D. Phóng thành công tàu vũ trụ bay vòng quanh trái đất.

Câu 12. Biểu hiện **không** phải của xu thế toàn cầu hóa là

- A. sự phát triển của các quan hệ thương mại quốc tế.
- B. sự ra đời của các tổ chức liên minh kinh tế.
- C. sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.
- D. việc duy trì liên minh Mỹ và Nhật Bản.

Câu 13. Hiệp ước Ba-li (2/1976) **không** xác định nguyên tắc nào trong quan hệ các nước ASEAN

- A. tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ
- B. không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau
- C. hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội
- D. chung sống hòa bình và nhất trí giữa các nước lớn.

Câu 14. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi nổ ra sớm nhất tại

- A. Bắc Phi
- B. Nam Phi
- C. Đông Phi
- D. Tây Phi

Câu 15. Trong các nguyên nhân đưa nền kinh tế Mỹ phát triển, nguyên nhân nào quyết định nhất ?

- A. Nhờ áp dụng những thành tựu KHKT.
- B. Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- C. Nhờ trình độ tập trung sản xuất, tập trung tư bản cao.
- D. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế .

Câu 16. Ngay sau chiến tranh thế giới thứ hai, về đối ngoại, Mỹ đã triển khai chiến lược nào sau đây ?

- A. Chiến lược toàn cầu.
- B. Chiến lược cam kết và mở rộng.
- C. Chiến lược Mácsan.
- D. Chiến lược Aixenhao.

Câu 17. Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới, Mỹ latinh đã được mệnh danh là

- A. "Hòn đảo tự do"
- B. "Lục địa mới trời dậy".
- C. "Đại lục núi lửa"
- D. "Tiền đồn của chủ nghĩa xã hội".

Câu 18. Lịch sử ghi nhận năm 1960 là năm của châu Phi vì

- A. tất cả các nước châu Phi đều giành được độc lập.
- B. hệ thống thuộc địa của đế quốc lần lượt tan rã.
- C. có 17 nước ở châu Phi giành được độc lập.
- D. chủ nghĩa thực dân sụp đổ ở châu Phi.

Câu 19. Tổ chức liên kết chính trị - kinh tế khu vực lớn nhất hành tinh kể từ cuối thập kỉ 90 của thế kỉ XX là?

- A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- B. Liên minh châu Âu.
- C. Liên minh châu Phi.
- D. Liên hợp quốc.

Câu 20. Nền tảng chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1951 đến năm 2000 là

- A. liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- B. hướng về các nước châu Á.
- C. hướng mạnh về Đông Nam Á.
- D. cải thiện quan hệ với Liên Xô.

Câu 21. Sự kiện nào được coi là khởi đầu của Chiến tranh lạnh?

- A. Sự ra đời "Kế hoạch Mácsan".
- B. Sự ra đời "học thuyết Truman".
- C. Sự ra đời hai khối quân sự: NATO và Vácsava.
- D. Sự xuất hiện hai nhà nước: Cộng hoà Liên bang Đức và Cộng hoà Dân chủ Đức.

Câu 22. Mỹ và Liên Xô đối đầu nhau do đối lập về

- A. mục tiêu về chiến lược
- C. chế độ chính trị
- B. mục tiêu
- D. chiến lược

Câu 23. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết tại đâu ?

- A. Béc-lin.
- B. Oasinhton.
- C. Bon.
- D. Niu Oóc.

Câu 24. Ở khu vực Đông Bắc Á hiện nay, những nước có nền kinh tế đứng thứ 2 và thứ 3 thế giới lần lượt là:

- A. Nhật Bản-Trung Quốc
- B. Trung Quốc-Nhật Bản
- C. Trung Quốc-Hàn Quốc
- D. Nhật Bản-Hàn Quốc

Câu 25. Nguyên tắc cơ bản nhất để chỉ đạo hoạt động của Liên hợp quốc là

- A. bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- B. không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.
- C. tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
- D. chung sống hòa bình và có sự nhất trí giữa năm cường quốc trong Hội đồng Bảo an.

Câu 26. Nhân tố khách quan nào đã giúp kinh tế các nước Tây Âu hồi phục sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Tiền bồi thường chiến phí từ các nước bại trận
- B. Sự nỗ lực của toàn thể nhân dân trong nước.
- C. Viện trợ của Mỹ theo kế hoạch Mác-san.
- D. Sự giúp đỡ viện trợ của Liên Xô.

Câu 27. Mốc đánh dấu chủ nghĩa thực dân cũ ở Châu Phi về căn bản đã chấm dứt là

- A. 17 nước được trao trả độc lập (Năm châu Phi)
- B. Cộng hòa Na-mi-bi-a tuyên bố độc lập.
- C. thắng lợi của cách mạng Mô - dăm - bích và Ăng - gô - la.
- D. nhân dân Ai Cập lật đổ vương triều Pha-rúc.

Câu 28. Sự kiện nào chứng tỏ "chiến tranh lạnh" bao trùm cả thế giới ?

- A. Sự ra đời và hoạt động của Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- B. Sự ra đời của tổ chức quân sự NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- C. Mĩ thông qua "Kế hoạch Mác-san"
- D. "Kế hoạch Mác-san" và sự ra đời của khối quân sự NATO

II. PHẦN TỰ LUẬN: (3 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Khái quát những biến đổi của khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ II.

Câu 2. (1 điểm) Theo em điểm tương đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản là gì? Việt Nam có thể học tập được gì từ những nguyên nhân đó?

Đề 001.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	A	C	D	C	D	D	A	C	A	C	B	D	D	A
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	A	A	C	C	B	A	B	A	C	B	D	C	C	B

* Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1	Khái quát những biến đổi của khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ II.	2đ
	- Biến đổi thứ nhất: Đa phần sau chiến tranh thế giới thứ hai các nước Đông Nam Á đều giành được độc lập.	0,5
	- Biến đổi thứ hai: Sau khi giành được độc lập, các nước Đông Nam Á đều ra sức xây dựng kinh tế – xã hội và đạt được nhiều thành tích to lớn, đặc biệt là Sin-ga-po trở thành “con rồng châu Á”, được xếp vào hàng các nước phát triển nhất thế giới.	0,5
	- Biến đổi thứ ba: đa phần các nước Đông Nam Á đều gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á, gọi tắt là ASEAN. Đây là một tổ chức liên minh chính trị – kinh tế của khu vực Đông Nam Á nhằm mục tiêu xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực.	0,5
	Trong các biến đổi trên thì việc giành độc lập của các nước Đông Nam Á là quan trọng nhất. Bởi vì đây là nền tảng để phát triển kinh tế văn hóa, chính trị xã hội và tiến hành hợp tác phát triển.	0,5
Câu 2	*Điểm tương đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản:	1đ
	- Áp dụng thành công những thành tựu của khoa học kỹ thuật vào sản xuất.	0,5
	- Vai trò quản lí và điều tiết của nhà nước.	
	- Biết tận dụng các yếu tố bên ngoài....	
	* Rút ra bài học cho Việt Nam: HS có thể trình bày suy nghĩ cá nhân, yêu cầu trình bày mạch lạc, thuyết phục...	0,5

Thời gian làm bài: 45 phút, không tính thời gian phát đề

Đề 002

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1. Theo quyết định của Hội nghị Ianta (tháng 2-1945), quân đội Liên Xô chiếm đóng khu vực nào sau đây?

- A. Tây Đức. B. Tây Âu. C. Bắc Triều Tiên. D. Tây Béclin.

Câu 2. Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc là cơ quan giữ vai trò trọng yếu trong việc

- A. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
B. giải quyết công việc hành chính.
C. giải quyết nạn đói, bệnh tật, ô nhiễm môi trường.
D. giải quyết các tranh chấp xung đột khu vực

Câu 3. Năm 1957, Liên Xô đạt thành tựu nổi bật nào dưới đây?

- A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
B. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
C. Thực hiện được nhiều kế hoạch dài hạn.
D. Phóng thành công tàu vũ trụ bay vòng quanh trái đất.

Câu 4. Trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, quốc gia nào có chính sách ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới?

- A. Anh. B. Mĩ. C. Liên Xô. D. Brunây.

Câu 5: Biến đổi nào của khu vực Đông Bắc Á trong 10 năm đầu sau Thế chiến thứ hai đã góp phần làm thay đổi bản đồ địa - chính trị thế giới?

- A. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.
B. Nhật Bản phát triển “thần kì”, trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.
C. Hàn Quốc trở thành “con rồng” kinh tế nổi bật nhất của khu vực Đông Bắc Á.
D. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan trở thành “con rồng” kinh tế châu Á.

Câu 6. Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa quốc tế của sự kiện cách mạng Trung Quốc thành công (1949)?

- A. Nối liền hệ thống xã hội chủ nghĩa từ châu Âu sang châu Á.
B. Đưa nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào thời kì phát triển mới.
C. Chấm dứt hơn một thế kỉ Trung Quốc bị chế độ thực dân cai trị.
D. Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Câu 7. Ngay sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, những quốc gia nào ở Đông Nam Á đứng lên tuyên bố độc lập?

- A. Indônêxia, Việt Nam, Lào. B. Việt Nam, Philippin, Lào
C. Indônêxia, Lào, Philippin. D. Việt Nam, Malaixia, Lào.

Câu 8. Hợp tác mang tính khu vực trên thế giới, cổ vũ, thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN là tổ chức nào sau đây?

- A. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV)
B. Hiệp ước thương mại tự do Bắc Mĩ (NAFTA)
C. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC)

D. Khôi thị trường chung Châu Âu (EEC)

Câu 9. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trong những quốc gia ở châu Phi giành được độc lập là

- A. Ấn Độ. B. Trung Quốc. C. Ai Cập. D. Nhật Bản.

Câu 10: Chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh lạnh biểu hiện trong chiến lược nào sau đây?

- A. Chiến lược cam kết và mở rộng.
B. Chiến lược phản ứng linh hoạt.
C. Chiến lược ngăn đe thực tế.
D. Chiến lược toàn cầu.

Câu 11. Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản trở thành

- A. một trong ba trung tâm kinh tế-tài chính lớn của thế giới.
B. trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất trên thế giới.
C. trung tâm kinh tế tài chính duy nhất trên thế giới.
D. siêu cường tài chính số một thế giới.

Câu 12. Sự thành lập Liên minh châu Âu (EU) mang lại lợi ích chủ yếu gì cho các nước thành viên?

- A. Mở rộng thị trường.
B. Hợp tác phát triển trên các lĩnh vực.
C. Giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn.
D. Tăng sức cạnh tranh, tránh bị phụ thuộc, chi phối.

Câu 13. Trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật và công nghệ, Nhật Bản tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất nào dưới đây?

- A. Ứng dụng công nghệ. B. Ứng dụng dân dụng.
C. Ứng dụng quốc phòng. D. Ứng dụng giáo dục.

Câu 14. Sự kiện nào sau đây diễn ra trong thời kì Chiến tranh lạnh (1947-1989)?

- A. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.
B. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
C. Hệ thống Vécxai-Oasinhtơn được thiết lập.
D. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương được thành lập.

Câu 15. Liên Xô và Mỹ trở thành hai thế lực đối đầu nhau dẫn đến “Chiến tranh lạnh” vào thời điểm nào?

- A. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
B. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai.
C. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
D. Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 16. Nước đi đầu trong cuộc cách mạng khoa học - công nghệ nửa sau thế kỉ XX là

- A. Liên Xô. B. Mỹ. C. Nhật Bản. D. Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Câu 17. Duy trì hòa bình, an ninh thế giới là mục đích của tổ chức nào sau đây?

- A. Liên minh châu Âu (EU).
B. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
D. Liên hợp quốc (UN).

Câu 18. Nội dung nào sau đây **không phải** là nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc?

- A. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với nhau.

- B. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- C. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
- D. Bình đẳng chủ quyền giữa các nước và quyền tự quyết của các dân tộc.

Câu 19. Quá trình phát triển thành viên từ ASEAN 5 thành ASEAN 10 **không** gặp trở ngại nào sau đây?

- A. Sự đối đầu giữa ASEAN với các nước Đông Dương.
- B. Sự tác động của cuộc chiến tranh lạnh.
- C. Sự khác nhau về thể chế chính trị giữa các nước.
- D. Thời gian giành độc lập của các nước không giống nhau.

Câu 20. Sự sụp đổ của chế độ phân biệt chủng tộc (Apácthai) ở Nam Phi (1993) chứng tỏ

- A. một biên pháp thống trị của chủ nghĩa thực dân bị xóa bỏ.
- B. hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cơ bản bị tan rã.
- C. cuộc đấu tranh vì tiến bộ xã hội đã hoàn thành ở châu Phi.
- D. chủ nghĩa thực dân mới bắt đầu khủng hoảng và suy yếu.

Câu 21. Nội dung nào dưới đây phản ánh **không** đúng về ý nghĩa thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Phi, Mĩ la tinh sau CTTG II?

- A. Làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và mới.
- B. Xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (Apácthai).
- C. Chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh giữa Mĩ và Liên Xô.
- D. Đưa tới sự ra đời của hơn 100 quốc gia trẻ tuổi.

Câu 22. Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ 2?

- A. Chi phí cho quốc phòng thấp
- B. Áp dụng thành tựu KH-KT
- C. Buôn bán vũ khí, hầu như không bị chiến tranh tàn phá .
- D. Sức cạnh tranh lớn của các tập đoàn tư bản lũng đoạn.

Câu 23. Mĩ viện trợ cho các nước Tây Âu thông qua kế hoạch Mác san (1947) nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Thúc đẩy tiến trình hình thành Liên minh châu Âu.
- B. Lôi kéo đồng minh để củng cố trật tự thế giới “một cực”.
- C. Giúp Tây Âu phát triển kinh tế để cạnh tranh với Trung Quốc.
- D. Lôi kéo đồng minh để chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

Câu 24. Nhân tố khách quan nào sau đây đã giúp kinh tế các nước Tây Âu hồi phục sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Tiền bồi thường chiến phí từ các nước bại trận .
- B. Sự nỗ lực của toàn thể nhân dân trong nước.
- C. Viện trợ của Mĩ theo kế hoạch Mácsan.
- D. Sự giúp đỡ viện trợ của Liên Xô.

Câu 25. Sự kiện nào sau đây được coi như là mốc đánh dấu sự “trở về” châu Á của Nhật Bản?

- A. Học thuyết Phu-cư-đa (1977).
- B. Học thiết Kaiphu (1991).
- C. Học thuyết Miyadaoa (1993).
- D. Học thuyết Hasimoto (1997).

Câu 26. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ Mĩ – Liên Xô thay đổi như thế nào?

- A. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.
- B. Chuyển từ đồng minh sang đối đầu căng thẳng.
- C. Chuyển từ đối đầu sang đồng minh.

D. Không có gì thay đổi.

Câu 27. Sự kiện nào sau đây là biểu hiện của xu thế hòa hoãn Đông- Tây từ đầu thập niên 70 của thế kỉ XX?

A. Sự ra đời của khối quân sự NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.

B. Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

C. Mĩ, Canada và 33 nước châu Âu kí kết Định ước Hen-xin-ki.

D. Mĩ triển khai Kế hoạch Mác-san viện trợ kinh tế cho các nước Tây Âu.

Câu 28. Nội dung nào sau đây là đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ?

A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

B. Khoa học gắn liền với kĩ thuật, đời sống

C. Kĩ thuật đi trước mở đường cho kĩ thuật.

D. Thời gian ứng dụng vào sản xuất diễn ra nhanh.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Khái quát những biến đổi của khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

Câu 2 (1,0 điểm)

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, tổ chức nào được thành lập và trở thành một diễn đàn quốc tế vừa hợp tác, vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới ? Trình bày những đóng góp của tổ chức đó từ sau khi thành lập đến nay?

Đề 002

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	C	A	A	C	A	A	A	D	C	A	A	B	B	D
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	A	B	D	A	C	A	C	A	D	C	A	B	C	A

* Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm.

II. PHẦN TỰ LUẬN (02 câu - 3,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
1	Khái quát những biến đổi của khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai	2.0
	- Biến đổi thứ nhất: Đa phần sau chiến tranh thế giới thứ hai các nước Đông Nam Á đều giành được độc lập.	0.5
	- Biến đổi thứ hai: Sau khi giành được độc lập, các nước Đông Nam Á đều ra sức xây dựng kinh tế – xã hội và đạt được nhiều thành tích to lớn, đặc biệt là Sin-ga-po trở thành “con rồng châu Á”, được xếp vào hàng các nước phát triển nhất thế giới.	0.5
	- Biến đổi thứ ba: đa phần các nước Đông Nam Á đều gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á, gọi tắt là ASEAN. Đây là một tổ chức liên minh chính trị – kinh tế của khu vực Đông Nam Á nhằm mục tiêu xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực.	0.5
	Trong các biến đổi trên thì việc giành độc lập của các nước Đông Nam Á là quan trọng nhất. Bởi vì đây là nền tảng để phát triển kinh tế văn hóa, chính trị xã hội và tiến hành hợp tác phát triển.	0.5
2	Tổ chức được thành lập và trở thành một diễn đàn quốc tế vừa hợp tác, vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới:	1.0
	- Liên hợp quốc là diễn đàn quốc tế vừa hợp tác, vừa đấu tranh, giữ gìn hoà bình và an ninh thế giới. - Liên hợp quốc có vai trò lớn trong giải quyết những vấn đề quốc tế: Gìn giữ hoà bình, an ninh quốc tế; Góp phần giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột quốc tế, xung đột khu vực (Campuchia, Ănggola, Đông Timo, Trung Đông, châu Phi)...	0.5
	- Đóng góp đáng kể vào việc thúc đẩy mối quan hệ hợp tác kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội giữa các nước thành viên, trợ giúp các nước đang phát triển, thực hiện cứu trợ nhân đạo khi nước thành viên gặp khó khăn (Mianma, Ấnônêxia, châu Phi,...).	0.5



MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian	% tổng
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)	Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)	2	1	2	2	1*		1**		4		3	10
2	Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000)	Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000).	2	1			1*		1**		2		1	5
3	Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh (1945 - 2000)	Bài 3. Các nước Đông Bắc Á. Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ. Bài 5. Các nước châu Phi và Mĩ Latinh.	5	2,5	3	3	1* 1*		1** 1** 1**		8	2	5,5	20
4	Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000)	Bài 6. Nước Mĩ Bài 7. Tây Âu Bài 8. Nhật Bản.	4	2	4	4	1*		1**		8		6	20
5	Quan hệ quốc tế (1945 - 2000)	Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh.	2	1	2	2	1*				4		3	10
6	Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX	Bài 10. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX	1	0,5	1	1	1*		1**		2		1,5	5
Tổng			16	8	12	12	1		1		28	2	45	70
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức			40		30		20		10		70	30	45	

Tỉ lệ chung		70	30	100	45	
-------------	--	----	----	-----	----	--



BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)	Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)	Nhận biết: - Nêu được hoàn cảnh, thành phần tham dự, những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta (2/1945) và thỏa thuận của ba cường quốc. (C1) - Nêu được sự thành lập, mục đích và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc. (C2)	2			
			Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta. (C17) - Hiểu được vai trò, thành phần và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. (C18)		2		
			Vận dụng - Phân tích được tác động từ những quyết định của Hội nghị Ianta và những thỏa thuận của ba cường quốc đối với tình hình thế giới từ sau năm 1945.			1*	
			Vận dụng cao: - Liên hệ, việc vận dụng được các nguyên tắc của Liên hợp quốc trong việc giải quyết vấn đề hòa bình, an ninh thế giới; bảo vệ chủ quyền biên giới, biển và hải đảo ở nước ta hiện nay. - Rút ra được những đóng góp của Liên hợp quốc từ sau khi thành lập đến nay.				1**
2	Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 -	Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000).	Nhận biết: - Nêu được những thành tựu chính trong công cuộc khôi phục kinh tế (1945 - 1950) và xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 (thế kỉ XX). (C3) - Nêu được những nét chính về các mặt: kinh tế, chính trị, chính sách đối ngoại, vị trí của Liên bang Nga (1991 - 2000) trên trường quốc tế. (C4)	2			

	2000)		Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân đạt được những thành tựu trong quá trình khôi phục kinh tế (1945 - 1950) và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Liên Xô (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70).				
			Vận dụng: - Phân tích được nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.			1*	
			Vận dụng cao: - Rút ra được ý nghĩa những thành tựu của nhân dân Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70, thế kỉ XX). - Rút ra được bài học cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.				1**
3	Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh (1945 - 2000)	Bài 3. Các nước Đông Bắc Á.	Nhận biết: - Biết được những nét chung về các nước khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. (C5); - Trình bày được sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa; nội dung đường lối cải cách và thành tựu chính từ sau năm 1978. (C6)	2			
			Thông hiểu: - Hiểu (giải thích) được ý nghĩa sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.				
			Vận dụng: - Phân tích được những biến đổi về chính trị, kinh tế - xã hội của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.			1*	
			Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa những thành tựu trong công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. - Rút ra được bài học cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.				1**

	Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ.	Nhận biết: - Trình bày được quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai; các giai đoạn chính của cách mạng Lào (1945 - 1975) và Cam-pu-chia (1945 - 1993); - Nêu được những thành tựu và khó khăn khi thực hiện chiến lược phát triển kinh tế hướng nội, hướng ngoại của nhóm các nước sáng lập ASEAN. (C7) - Trình bày được sự thành lập, mục tiêu và quá trình phát triển, số lượng các nước thành viên của tổ chức ASEAN. - Nêu được những sự kiện chính về quá trình đấu tranh giành độc lập và thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước ở Ấn Độ từ sau năm 1945. (C8)	2			
		Thông hiểu: - Lập (được) bảng thống kê sự kiện các nước giành độc lập. - Hiểu được ý nghĩa những mốc chính trong quá trình phát triển của tổ chức ASEAN. (C19)		1		
		Vận dụng: - Khái quát được những biến đổi của khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Phân tích được đặc điểm các giai đoạn phát triển của tổ chức ASEAN.			1*	
		Vận dụng cao: - Rút ra được bài học từ những thành tựu phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. - Liên hệ được về mối quan hệ của Việt Nam với các nước thành viên ASEAN.				1**
	Bài 5. Các nước châu Phi và Mỹ Latinh.	Nhận biết: - Trình bày được sự kiện chính trong cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước châu Phi và Mỹ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. (C9)	1			
		Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa những thắng lợi lớn trong phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Phi và Mỹ Latinh từ sau Chiến		2		

			tranh thế giới thứ hai. (C20); (C21)				
			Vận dụng cao: - Rút ra được ý nghĩa lịch sử của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. - So sánh được đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh.				1**
4	Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000)	Bài 6. Nước Mĩ	Nhận biết: - Nêu được tình kinh tế, khoa học – kĩ thuật và chính sách đối ngoại của Mĩ những năm 1945 - 1973; 1973 - 1991; 1991 → nay. (C10)	1			
			Thông hiểu: - Hiểu được chính sách của Mĩ và những nguyên nhân dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Mĩ. (C22); (C23)		2		
		Bài 7. Tây Âu	Nhận biết: - Nêu được các vấn đề chủ yếu về sự phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật và chính sách đối ngoại Tây Âu qua các giai đoạn 1945 - 1950, 1950 - 1973, 1973 - 1991, 1991 → nay. (C11) - Biết được quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU). (C12)	2			
			Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Tây Âu. (C24)		1		
		Bài 8. Nhật Bản.	Nhận biết: - Nêu được các vấn đề chủ yếu: Sự phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật; Chính sách đối ngoại của Nhật Bản qua các thời kì 1945 – 1952, 1952 – 1973, 1973 – 1991, 1991 – 2000. (C13)	1			
			Thông hiểu: - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản. (C25)		1		
			Vận dụng: - Khái quát được đặc điểm về kinh tế, chính sách đối ngoại của			1*	

			Mĩ, Tây Âu, Nhật bản trong từng giai đoạn phát triển. - So sánh nguyên nhân phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản.				
			Vận dụng cao: - Nhận xét được điểm tương đồng về vai trò, vị trí kinh tế của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản. - Rút ra được điểm tương đồng và đánh giá sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản và Tây Âu qua các thời kì.				1**
5	Quan quốc (1945 2000)	hệ - tế	Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh.	Nhận biết: - Trình bày được mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của “Chiến tranh lạnh”: nội dung cơ bản của Học thuyết Tru-man; sự hình thành khối quân sự NATO và tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. (C14); (C15) - Trình bày được những sự kiện biểu hiện xu thế hoà hoãn tiến tới chấm dứt “Chiến tranh lạnh”; - Trình bày được sự kiện Mỹ và Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.	2		
			Thông hiểu: - Giải thích được hậu quả của việc thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. - Hiểu được nguyên nhân Mỹ và Liên Xô chuyển sang thế đối đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai và nguyên nhân hai cường quốc tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. (C26); (C27)		2		
			Vận dụng: - Phân tích được đặc điểm của quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991: là thời kì căng thẳng giữa hai phe, hai khối, đứng đầu là Mỹ và Liên Xô. - Phân tích đặc điểm trong quan hệ quốc tế từ năm 1991 đến nay là: hoà hoãn, đa cực, lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm, xung đột khu vực.			1*	

6	Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX.	Bài 10. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX	Nhận biết: - Nêu nguồn gốc, đặc điểm của cách mạng khoa học – công nghệ. (C16) - Nêu được bản chất và những biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa.	1			
			Thông hiểu: - Hiểu được đặc điểm của nổi bật của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ. (C28)		1		
			Vận dụng: - Phân tích được tác động tích cực và những vấn đề nảy sinh do cách mạng khoa học – kĩ thuật. - Phân tích được mặt tích cực và tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa.			1*	
			Vận dụng cao: Liên hệ, vận dụng được toàn cầu hóa vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với các dân tộc.				1**
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức				40	30	20	10
Tỉ lệ chung				70		30	